

THỐNG KÊ CÁC XÃ, PHƯỜNG
CÓ TỶ LỆ GIẢI NGÂN NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT SO VỚI KHV GIAO
VÀ TỶ LỆ GIẢI NGÂN SO VỚI SỐ THU THẤP HƠN BÌNH QUÂN CHUNG CẤP XÃ

Số liệu giải ngân đến ngày 04/9/2026, số thu đến ngày 07/9/2026
Bình quân chung cấp xã (Tỷ lệ giải ngân so với KHV giao: 26,82%, so với số thu: 59,03%)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã, phường	Kế hoạch vốn giao năm 2026	Số thu tiền sử dụng đất	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với KHV giao (<26,82%)	Tỷ lệ giải ngân so với số thu (<59,03%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Xã Các Sơn	136.000	3.054			
2	Xã Linh Sơn	850	59			
3	Xã Đồng Lương	170	193			
4	Xã Na Mèo	25	51			
5	Xã Quan Sơn	115	704			
6	Xã Trung Hạ	34	5			
7	Xã Tây Đô	17.814	392			
8	Xã Trung Chính	23.752	17.128			
9	Xã Lĩnh Toại	6.532	1.489			
10	Xã Xuân Bình	1.700	366			
11	Xã Thanh Quân	850	1.392			
12	Xã Triệu Lộc	28.503	82			
13	Xã Hối Xuân	425	249			
14	Xã Nam Xuân	127	7			
15	Xã Mường Lát	42	56			
16	Phường Nghi Sơn	17.850				
17	Xã Sơn Điện	21				
18	Xã Mường Mìn	13				
19	Xã Tam Thanh	17				
20	Xã Tam Lư	17				
21	Xã Cổ Lũng	93				
22	Phường Đông Tiến	320.637	2.229	970	0,3	43,51
23	Phường Tân Dân	142.513	959	496	0,35	51,69
24	Phường Hàm Rồng	238.390	11.258	1.261	0,53	11,2
25	Phường Trúc Lâm	68.000	917	470	0,69	51,27
26	Xã Quảng Chính	35.628	3.778	400	1,12	10,59
27	Phường Hải Lĩnh	23.752	1.368	728	3,07	53,21
28	Xã Hoằng Phú	160.327	12.168	6.038	3,77	49,62
29	Xã Định Hòa	41.566	10.250	2.069	4,98	20,18
30	Xã Vân Du	38.250	6.982	2.285	5,97	32,73
31	Xã Triệu Sơn	166.265	26.958	10.188	6,13	37,79
32	Xã Thọ Lập	32.659	5.681	2.338	7,16	41,16
33	Xã Tiên Trang	59.380	13.782	4.594	7,74	33,33
34	Phường Hạc Thành	423.811	103.189	34.275	8,09	33,22
35	Xã Thạch Bình	34.000	15.509	2.885	8,49	18,6
36	Xã Quảng Yên	207.832	36.593	20.220	9,73	55,26
37	Phường Hải Bình	17.814	5.387	1.750	9,82	32,48
38	Xã Pù Luông	3.818	3.896	418	10,95	10,73
39	Xã Thạch Quảng	12.750	25.994	1.982	15,55	7,62
40	Xã Thiết Ống	1.700	2.501	310	18,21	12,38
41	Phường Nguyệt Viên	317.853	420.282	63.202	19,88	15,04
42	Xã Tống Sơn	11.876	4.712	2.701	22,74	57,32
43	Phường Tình Gia	89.071	42.799	22.419	25,17	52,38
	Tổng cộng	2.682.842	782.418	181.997	6,78	23,26